

CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TRẦN THỊ HẢI YẾN*

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ tầm quốc gia, đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Đây là một công cụ quan trọng đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước. Bài viết góp phần phân tích chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia của Việt Nam, trên cơ sở xem xét đặc thù và bối cảnh của vùng Đông Nam Bộ, đề xuất một số gợi ý chính sách giúp các địa phương thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả.

Từ khóa: chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia, sở hữu trí tuệ, Việt Nam, vùng Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 15/01/2024; đưa vào biên tập: 16/01/2024; phản biện: 17/01/2024; duyệt đăng: 14/02/2024

1. DẪN NHẬP

Tài sản trí tuệ đang ngày càng trở thành loại tài sản có giá trị, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển vì nó có khả năng trở thành công cụ kiểm soát và thúc đẩy phát triển hệ thống kinh tế - xã hội. Nhận thức xu hướng trên, Việt Nam đã sớm ban hành các cơ chế, chính sách tạo khung khổ pháp lý cơ bản thúc đẩy sự phát triển về sở hữu trí tuệ, đảm bảo các hoạt động xây dựng, bảo hộ, khai thác, phát huy các giá trị tài sản trí tuệ.

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019. Để cụ thể hóa

chiến lược này, ngày 3/3/2020, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành kế hoạch thực hiện “Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030” trong giai đoạn 2020-2025. Các văn bản trên là kim chỉ nam cho hoạt động tại các vùng, địa phương của Việt Nam trong việc xây dựng các chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Kết quả trong chương trình hành động của các địa phương sẽ là những tài sản trí tuệ mới và tài sản được tạo ra từ những sáng tạo trí tuệ dựa trên các tài sản trí tuệ bản địa, truyền thống sẽ là động lực quan trọng để Việt Nam thực hiện tốt quá trình khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Hướng đi này sẽ tạo nền tảng tốt cho việc thực hiện mục tiêu kép phát triển bền vững trong giai đoạn hội nhập quốc tế mới với bối

* Nghiên cứu sinh Học viện Khoa học xã hội.

cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Theo Nghị quyết số 24-NQ/TW, Đông Nam Bộ (TPHCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai và Tây Ninh) là vùng kinh tế năng động, sáng tạo trọng điểm phía Nam, đi đầu trong đổi mới và phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Đây là có khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh, năng động với số lượng doanh nghiệp đứng đầu cả nước; là địa bàn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất, chiếm 41,1% tổng vốn FDI. Trong đó, TPHCM trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng và cả nước (Bộ Chính trị, 2022).

Trên cơ sở phân tích những định hướng lớn trong Chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia của Chính phủ, kế hoạch thực thi chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 của Bộ Khoa học và Công nghệ và thực tế triển khai ở các địa phương Đông Nam Bộ trong thời gian vừa qua, nghiên cứu làm rõ thực trạng các nguồn lực, bối cảnh địa phương trong phát triển chương trình tài sản trí tuệ, từ đó đưa ra các gợi ý góp phần thực thi chiến lược sở hữu trí tuệ ở vùng Đông Nam Bộ một cách khả thi, hiệu quả.

2. KHÁI NIỆM VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA VIỆT NAM

2.1. Sở hữu trí tuệ

Có nhiều cách định nghĩa khái niệm sở hữu trí tuệ. *Cẩm nang về sở hữu trí*

tuệ của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) cho rằng: “Sở hữu trí tuệ là các quyền hợp pháp xuất phát từ hoạt động trí tuệ trong các lĩnh vực công nghiệp, văn học và nghệ thuật” (WIPO, 2001).

Cũng theo cách tiếp cận này, Công ước Thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) được ký tại Stockholm vào ngày 14/7/1967 quy định rằng: “Sở hữu trí tuệ sẽ bao gồm các quyền liên quan tới: (1) Các tác phẩm khoa học, nghệ thuật và văn học; (2) Chương trình biểu diễn của các nghệ sĩ biểu diễn, các bản ghi âm và các chương trình phát thanh, truyền hình; (3) Sáng chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người; (4) Các phát minh khoa học; (5) Kiểu dáng công nghiệp; (7) Nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu dịch vụ, các chỉ dẫn và tên thương mại; (8) Bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh và tất cả những quyền khác là kết quả của hoạt động trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học hoặc nghệ thuật” (WIPO, 1967).

Mặc dù có nhiều cách hiểu khác nhau, trong phạm vi bài viết khái niệm sở hữu trí tuệ được hiểu: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng” (Quốc hội, 2022).

Quyền sở hữu trí tuệ được xác định và hình thành bởi 3 nhóm quyền cơ bản: *Quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; Quyền sở hữu*

công nghiệp; Quyền đối với giống cây trồng (Quốc hội, 2022).

Ở Việt Nam, theo Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản liên quan, chủ thể quản lý nhà nước của mỗi một nhóm quyền sở hữu trí tuệ trên lại do một cơ quan khác nhau đảm nhiệm: quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; quyền sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và công nghệ quản lý; quyền đối với giống cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý. Ở mỗi nhóm quyền và chủ thể quản lý sẽ có những đặc điểm và công việc chuyên môn khác nhau song cùng hướng đến thực hiện một hoạt động chung đó là hoạt động sở hữu trí tuệ quốc gia.

Từ cách hiểu trên về khái niệm sở hữu trí tuệ và các nhóm quyền cơ bản của nó, có thể hiểu chiến lược sở hữu trí tuệ là một kế hoạch toàn diện, tổng thể với các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được thiết lập trong một giai đoạn nhất định nhằm thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tạo ra các lợi thế cạnh tranh một cách khoa học, có chiều sâu cho thương hiệu và sản phẩm của quốc gia, vùng miền, địa phương hay doanh nghiệp. Nó là quá trình xác định các hướng đi chính, các nguồn lực sẵn có và cách tiếp cận để đạt được mục tiêu dài hạn.

2.2. Chiến lược sở hữu trí tuệ của Việt Nam giai đoạn đến năm 2030

Ngày 22/8/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số

1068/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030. Việc ban hành Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong việc thúc đẩy phát triển sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong giai đoạn tới. Những nội dung cơ bản của chiến lược này bao gồm:

Thứ nhất, về quan điểm chỉ đạo. Với các tiếp cận mới, Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 được đề ra với các quan điểm:

- Hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia của Việt Nam cần được phát triển đồng bộ và hiệu quả đảm bảo phát huy tối đa khả năng, tiềm lực, tạo năng lực cạnh tranh để phát triển đất nước (Thủ tướng Chính phủ, 2019).
- Phát triển sở hữu trí tuệ xem xét trên cơ sở toàn diện với các lĩnh vực khác và gắn kết chặt chẽ trong chỉnh thể liên ngành, liên lĩnh vực vì mục tiêu chung phát triển đất nước (Thủ tướng Chính phủ, 2019).
- Phát triển sở hữu trí tuệ với đa chủ thể tham gia và phát huy tối đa lợi thế, tiềm năng của mỗi chủ thể để thúc đẩy sự phát triển tài sản trí tuệ trong phát triển đất nước (Thủ tướng Chính phủ, 2019).

Thứ hai, về mục tiêu. Chiến lược đã chỉ rõ các mục tiêu định lượng và định tính, trong đó xác định mức độ, quy mô và trình độ, tốc độ gia tăng về số lượng, chất lượng, hiệu quả so sánh trong tương quan với khu vực và thế giới, cụ thể như “đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu

ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ”; “tài sản trí tuệ mới của cá nhân, tổ chức Việt Nam gia tăng cả về số lượng và chất lượng, cải thiện vượt bậc các chỉ số về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)”; “hiệu quả sử dụng quyền sở hữu trí tuệ được nâng cao và gia tăng đáng kể số lượng sản phẩm có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao”... (Thủ tướng Chính phủ, 2019).

Thứ ba, về nhiệm vụ và giải pháp. Chiến lược đề cập cụ thể các nội dung liên quan đến quá trình tổ chức thực thi với đa dạng các yếu tố, vấn đề như: thể chế chính sách phát triển sở hữu trí tuệ, các chủ thể, nguồn nhân lực và nguồn lực khác, các hoạt động nhằm hỗ trợ sáng tạo, bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ, tăng cường hợp tác quốc tế để tiếp nhận được sự ủng hộ, chia sẻ, hỗ trợ nâng cao trình độ và tăng cường tính chuyên nghiệp hóa và hoàn thiện hệ thống từ đó dần hình thành một môi trường văn hóa sở hữu trí tuệ mang bản sắc và trí tuệ Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 2019).

Việc hiện thực hóa các định hướng chiến lược này đòi hỏi phải có sự chung tay của nhiều chủ thể, trong đó các địa phương có vai trò quyết định trực tiếp việc thành công của chiến lược tại từng địa phương.

3. HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - MỘT SỐ NÉT KHÁI QUÁT VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

3.1. Khái quát về hoạt động sở hữu trí tuệ

Với đặc điểm là vùng kinh tế năng động trong phát triển kinh tế gắn với vùng trọng điểm kinh tế phía nam, hoạt động sở hữu trí tuệ của vùng Đông Nam Bộ cũng đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Theo thống kê từ Cục Sở hữu trí tuệ trong giai đoạn 2011-2022, TPHCM là nơi có số lượng đơn đăng ký và hồ sơ được cấp văn bằng bảo hộ đứng đầu vùng Đông Nam Bộ. Sau TPHCM là tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh và cuối cùng là Bình Phước (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

Nhiều hoạt động nhằm thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ cũng như thúc đẩy phát triển sở hữu trí tuệ trong tương quan phát triển kinh tế - xã hội nói chung đã được chính quyền các địa phương trong vùng quan tâm thực hiện.

- Hoạt động truyền thông, tuyên truyền cơ chế, chính sách sở hữu trí tuệ.

“Năm 2021 và 2022, Sở Khoa học và Công nghệ TPHCM đã tổ chức chuỗi hoạt động nằm trong Chương trình Tập huấn về sở hữu trí tuệ (Techfest) với 5 chủ đề: Một là, tìm kiếm ý tưởng sáng tạo và thực chiến; hai là, sáng kiến và nhận diện tài sản trí tuệ trong trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; ba là, thủ tục xác lập quyền sáng chế và tra cứu thông tin sáng chế; bốn là, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh; năm là, xây dựng thương hiệu,

thiết lập nhãn hàng hóa, dịch vụ. Đồng thời, Sở đã thực hiện 57 video với nhiều nội dung về các loại tài sản trí tuệ nhằm phổ biến kiến thức đến người dân.

Bên cạnh đó, Cục Sở hữu trí tuệ tại TPHCM cũng ký kết thỏa thuận hợp tác với các trường đại học trong khu vực thành phố để tăng cường sự hiểu biết cho sinh viên, hỗ trợ hoạt động quản trị trong nhà trường, thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ, tiêu biểu” (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

Những năm gần đây, tỉnh Đồng Nai đã triển khai các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ thông qua các chương trình truyền hình cũng như các chuyên mục trên Báo Đồng Nai và trên các kênh thông tin tuyên truyền khoa học công nghệ của tỉnh. Năm 2020-2022, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai đã chủ động xây dựng, ban hành và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản liên quan đến cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sở hữu trí tuệ. Với cách làm trên, nhận thức của người dân và doanh nghiệp đã được nâng lên, nhiều tài sản trí tuệ địa phương được hỗ trợ như: xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho bưởi da xanh Vĩnh Cửu, Bánh sữa Long Thành, Tôm càng xanh Trà Cỏ, Chôm chôm Long Khánh (Diệu Linh, 2022).

- Hoạt động phát huy giá trị của tài sản trí tuệ sau khi được bảo hộ nhằm tạo ra giá trị kinh tế, xã hội cho địa phương

Ngoài TPHCM, các địa phương trong vùng cũng quan tâm và kỳ vọng lớn vào định hướng phát triển tài sản trí tuệ nói chung, trong đó có tài sản trí tuệ địa phương trong bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh đã tập trung xây dựng thương hiệu và triển khai phát triển đến người dân về ba sản phẩm đặc thù mang địa danh của tỉnh là măng cầu Bà Đen, bánh tráng phơi sương Trảng Bàng và muối ớt Tây Ninh thông qua hình thức xây dựng các phim tư liệu, in ấn tờ rơi và giới thiệu tại các sự kiện trên địa bàn tỉnh (Nguyễn Hoàng Nam, 2023). Tỉnh đã tổ chức triển khai hỗ trợ sản xuất, hệ thống nhận diện và quảng bá, thương mại hóa sản phẩm. Ngoài ra có nhiều hoạt động khác liên quan hỗ trợ xây dựng, tạo ra sản phẩm sáng tạo, xác lập quyền, khai thác và tạo ra giá trị lâu dài cho địa phương.

Tỉnh Bình Phước cũng tiến hành một số hoạt động phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ qua việc tạo thể chế, cơ chế hỗ trợ các hoạt động đăng ký xác lập quyền, bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ, có thể thấy một số hình thức như: chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước”, nhãn hiệu chứng nhận “Cao su Bình Phước”, nhãn hiệu tập thể “Hồ tiêu Lộc Ninh”, nhãn hiệu tập thể “Gà thả vườn Thanh Lương”, “Nhãn tiêu da bò Thanh Lương” (Nguyễn Hoàng Nam, 2023). Kết quả đã giúp các sản phẩm mang thương hiệu trên có được hệ nhận diện, phương thức triển khai quảng bá và bán sản phẩm

tạo giá trị kinh tế gia tăng cho người dân địa phương.

- *Xây dựng chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030*

Trong quá trình xây dựng chính sách, kế hoạch, chương trình phát triển, các địa phương đã đề xuất các mục tiêu cụ thể.

Tỉnh Đồng Nai đề ra mục tiêu cụ thể như: hỗ trợ tạo lập và đăng ký bảo hộ sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và giống cây

trồng mới, mỗi năm ít nhất 30 đơn vị, 20 tác phẩm, 1 giống cây trồng; hỗ trợ xây dựng, quản lý, phát triển nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý đối với các đặc sản, sản phẩm làng nghề, sản phẩm đặc thù của địa phương, ít nhất 32 nhãn hiệu được chứng nhận; hỗ trợ đăng ký bảo hộ ra nước ngoài với ít nhất 10 nhãn hiệu, hỗ trợ 1 doanh nghiệp ứng dụng sáng chế/giải pháp hữu ích được bảo hộ để phát triển thương mại hóa sản phẩm (Diệu Linh, 2022).

Bảng 1. Mục tiêu phát triển tài sản trí tuệ ở một số địa phương vùng Đông Nam Bộ

Tỉnh/Thành phố	Mục tiêu phát triển TSTT
Bình Dương	Phấn đấu số lượng đơn đăng ký bảo hộ sáng chế trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 tăng trung bình hàng năm từ 16-18%, xây dựng cơ sở dữ liệu, các công cụ và cung cấp dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ của tỉnh được xem là yếu tố quan trọng để vận hành và quản lý trong bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bình Dương (OCOP) với tối thiểu 40% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh.
Đồng Nai	Mục tiêu của tỉnh đến năm 2030, mỗi năm ít nhất 30 đơn vị được hỗ trợ tạo lập và đăng ký bảo hộ dưới các loại hình TSTT, bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, giống cây trồng với số lượng tối thiểu 20 tác phẩm và 1 giống cây trồng.
Bà Rịa - Vũng Tàu	Mục tiêu triển khai đến năm 2025 của tỉnh phải có ít nhất 10 sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và 30 sản phẩm gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm. Đến năm 2030, phấn đấu số lượng đơn đăng ký bảo hộ trung bình mỗi năm tối thiểu là 05 sáng chế, 20 kiểu dáng công nghiệp, 200 nhãn hiệu và từ 01 đến 03 giống cây trồng. Ngoài ra, có ít nhất 15 sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và 50 sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

Nguồn: Nguyễn Hoàng Nam, 2023.

“Điểm chung trong mục tiêu của phát triển sở hữu trí tuệ vùng Đông Nam

Bộ đến năm 2025 là hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao

nhận thức về kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo của 100% các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu” (Nguyễn Hoàng Nam, 2023). Mỗi tỉnh, thành phố thiết lập những mục tiêu phát triển sở hữu trí tuệ riêng để đảm bảo thực hiện sáng tạo, linh hoạt và hiệu quả. Một số chính sách đã được triển khai nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ ở các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ. Ví dụ, Bình Phước, để xác định các sản phẩm thế mạnh, tỉnh ban hành chính sách “hỗ trợ 100% đối với sản phẩm OCOP từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ” (Nguyễn Hoàng Nam, 2023); Bình Dương, “đối với đăng ký bảo hộ trong nước, mức hỗ trợ tùy thuộc vào loại tài sản trí tuệ đăng ký: 30 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ với bảo hộ sáng chế và giống cây trồng, 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ với bảo hộ nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp. Đối với đăng ký bảo hộ ở nước ngoài thì mức hỗ trợ là 60 triệu đồng/đơn (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

“Tương tự tại Đồng Nai, mức hỗ trợ tối đa cho một doanh nghiệp đăng ký nhãn hiệu trong nước là 13 triệu đồng/đối tượng. Trong đó, mỗi doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 3 nhãn hiệu hàng hóa hoặc tối đa 1 nhãn hiệu hàng hóa cho 5 nhóm sản phẩm. Đối với nhãn hiệu hàng hóa đăng ký ngoài nước, mức hỗ trợ tối đa cho 1 nhãn hiệu tại một quốc gia là 15 triệu đồng” (Nguyễn Hoàng Nam, 2023).

Nhìn chung, thực trạng thực thi chiến lược sở hữu trí tuệ của các tỉnh Đông Nam Bộ đã có nhiều điểm mới, khởi sắc nhưng xét tổng thể, hoạt động trên còn một số hạn chế, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, lợi thế cũng như tiềm lực, quy mô phát triển kinh tế của vùng trọng điểm kinh tế phía Nam.

3.2. Đề xuất giải pháp

Trên cơ sở phân tích các nội dung chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 của Việt Nam, đối chiếu và xem xét thực trạng phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ của các địa phương vùng Đông Nam Bộ, phân tích bối cảnh, xu hướng và tiềm năng, các nguồn lực trong phát triển, hoạt động sở hữu trí tuệ của vùng cần chú ý một số điểm sau:

Thứ nhất, cần thể chế hóa thành các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch. Các địa phương cụ thể hóa mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược trung ương tại địa phương mình thành các chương trình, kế hoạch cụ thể để tạo ra một khung pháp lý, thể chế, cơ chế và chính sách có tính bản địa, địa phương hóa. Trong đó, cần xác định một cách toàn diện đầy đủ quy trình và các nội dung toàn vẹn, khả thi từ nghiên cứu tạo ra tài sản trí tuệ, tiến hành bảo hộ, tổ chức triển khai và khai thác hiệu quả.

Thứ hai, xác định mọi nguồn lực để triển khai chiến lược hiệu quả tại địa phương. Trong các nguồn lực cần chú trọng phát triển nguồn nhân

lực. Việc hướng đến nguồn nhân lực sẽ góp phần định hình các chủ thể sáng tạo, quản trị hiệu quả, góp phần tạo các hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, cần chú trọng hoạt động đào tạo nâng cao trình độ, tập huấn kỹ năng, chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm đổi mới sáng tạo để tạo ra một nguồn nhân lực, vật lực, trí lực phát triển ngang tầm nhiệm vụ trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững.

Thứ ba, xác định các chủ thể, phân công phân nhiệm cũng như phân cấp rõ ràng để các chủ thể chủ động triển khai hiệu quả. Cần xác định rõ chủ thể thực hiện, chủ trì, đơn vị phối hợp, vị trí, vai trò, nội dung, phương thức phối hợp, phân công rõ ràng và thúc đẩy việc triển khai một cách khoa học. Cần xác định đa chủ thể bao gồm không chỉ hệ thống chủ thể trong cơ quan nhà nước, mà bao gồm cả các chủ thể là tổ chức, cơ quan, đoàn thể ngoài nhà nước. Cần gắn kết giữa các cơ quan quản lý, định hướng, hỗ trợ với các doanh nghiệp, bởi suy cho cùng các tài sản trí tuệ muốn được phát huy giá trị hiệu quả phải được định vị, cụ thể hóa vào trong sản phẩm và thị trường bởi các doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh doanh hiện hữu.

Thứ tư, cần có một nền tảng cơ sở hạ tầng thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030. Công cụ và phương tiện, cũng như những nền tảng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật

có vai trò quan trọng tạo năng suất, chất lượng, quy mô và mức độ phát triển của bất cứ sản phẩm nào trong đó có tài sản trí tuệ. Trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0, ở lĩnh vực sở hữu trí tuệ, cơ sở hạ tầng công nghệ số, thông tin sở hữu trí tuệ có vai trò quan trọng quyết định và hỗ trợ đắc lực cho quá trình từ việc sáng tạo, tạo ra sáng chế và tài sản trí tuệ đến việc thúc đẩy bảo hộ, quản trị và kiểm soát đảm bảo khai thác hiệu quả, phòng chống được các hoạt động vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với doanh nghiệp, cơ quan.

Thứ năm, cần xác định các mô hình và phương thức phù hợp để lan tỏa, phát triển. Trong quá trình vừa làm, vừa nghiên cứu, tìm hiểu ở trong và ngoài nước để tìm kiếm các mô hình thuận lợi, khả thi hiệu quả để ứng dụng vào trong thực tiễn để kiểm chứng thêm và định hình, nhân rộng mô hình khi có hội đủ các yếu tố cần thiết.

Thứ sáu, cần tận dụng thể chế vùng và Hội đồng vùng để thúc đẩy liên kết phát triển vùng. Ngày 7/10/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 24-NQ/TW về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Cần xem Nghị quyết và Hội đồng vùng Đông Nam Bộ như là kim chỉ nam thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ địa phương.

Ngoài ra, còn có một số yếu tố có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và

triển khai hiệu quả Chiến lược sở hữu trí tuệ như hoạt động truyền thông chính sách. Tuyên truyền và truyền thông cần được ứng dụng công nghệ, cách làm mới; tận dụng tối đa các kênh thông tin để lan tỏa và chia sẻ góp phần nâng cao nhận thức, ý thức; phát triển văn hóa sở hữu trí tuệ ở các quốc gia, vùng, địa phương.

4. KẾT LUẬN

Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cho thấy vai trò của vùng, liên kết vùng và sự phát triển tổng hợp các yếu tố trong thực tiễn đã và đang trở thành

các vấn đề quan trọng, trong đó có thúc đẩy phát triển các nguồn lực và thể chế sở hữu trí tuệ. Để phát triển và thực thi chiến lược sở hữu trí tuệ của Việt Nam đến năm 2030 đòi hỏi cần huy động sức mạnh tổng hợp của các chủ thể, trong đó vai trò trực tiếp và có tính hạt nhân thuộc về các chủ thể quản lý, người dân và doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần có những hoạt động cụ thể ở cấp độ địa phương và vùng, tận dụng vai trò của vùng, liên kết vùng để phát triển toàn diện và đầy đủ quy trình của sở hữu trí tuệ. Các trụ cột trong phát triển chiến lược sở hữu trí tuệ vẫn cần tập trung vào thể chế, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, các nguồn lực nói chung và liên kết vùng trong sự phát triển. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Chính trị. 2022. Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 7/10/2022 của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2. Diệu Linh. 2022. “Sở hữu trí tuệ: Nhìn từ thực tế các địa phương”. <https://skhcn.dongnai.gov.vn/Pages/so-huu-tri-tue-doi-moi-sang-tao-ct.aspx?NewsID=12&TopicID=1&CoLookup=1>, truy cập ngày 29/11/2023.
3. Nguyễn Hoàng Nam. 2023. “Chính sách phát triển tài sản trí tuệ vùng Đông Nam Bộ”. <https://diendandoanhnghiep.vn/chinh-sach-phat-trien-tai-san-tri-tue-vung-dong-nam-bo-251713.html>, truy cập ngày 30/11/2023.
4. Quốc hội. 2022. *Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 và 2022*.
5. Thủ tướng Chính phủ. 2019. Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.
6. WIPO. 1967. Công ước Thành lập Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) được ký tại Stockholm vào ngày 14 tháng 7 năm 1967.
7. WIPO. 2001. *Cẩm nang về sở hữu trí tuệ*. Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới.